TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2021
V/v ly hôn giữa bà H và ông L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tỉnh.

Bà Trần Thị Đam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Thương, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1976.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Đình L, sinh năm 1974.

Cùng nơi cư trú: Xóm A, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, bà H và ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày: Bà H và ông L đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận do ông L không tôn trọng bà và không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ bà công việc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L.

Lời khai tại Tòa án bị đơn ông Đặng Đình L trình bày: Ông và bà H xác lập quan hệ vợ chồng đúng như bà H đã trình bày. Ông nhận thấy, trước đây bản thân là người chồng vô tâm không quan tâm đến vợ, cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ và hứa sẽ từ bỏ những lỗi lầm và thiếu sót của mình đã gây ra cho vợ trước đây. Nếu bà H vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà H và ông L thống nhất có hai con tên là Đặng Thị K, sinh năm 1997 và Đặng Hoàng H, sinh năm 2002, hai con đã thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung: Bà H và ông L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bà H và ông L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông L.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà H và ông L kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 1996 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà H có yêu cầu ly hôn, ông L không đồng ý ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai người hàn gắn tình cảm nhưng bà H vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông L. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bà H và ông L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho bà H ly hôn ông L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Giữa bà H và ông L có hai con tên là Đặng Thị K, sinh năm 1997 và Đặng Hoàng H, sinh năm 2002, hai con đã thành niên và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, bà H và ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà H và ông L có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho bà Đặng Thị H ly hôn ông Đặng Đình L.

2. Về án phí dân sự: Bà Đặng Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà bà H đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số AA/2017/0001557 ngày 19 tháng 11 năm 2020, bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông L có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường